TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/7/2025
Về việc: "Không công nhận
quan hệ vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND khu vực 4 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham phiên tòa: **Không.**

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2025/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐST - HNGĐ, ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị T**, sinh năm 19681 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A.

Bị đơn: Ông **Trịnh Văn N**, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1998, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, có những lúc đá đồng quan điểm thường cự cãi nhau nhưng bà T vẫn cố gắng chấp nhận để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, tuy nhiên đến tháng 8/2024 thì mâu thuẫn giữa bà T và ông N càng trở nên trầm trong, ông N thường xuyên đánh đập hành hạ bà T dù đã được các con can ngăn nhưng không được, ngoài ra ông N còn hăm dọa bà T. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Văn N.

- Về con chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N có 03 người con tên Trịnh Thị Tuyết B, sinh ngày 02/8/2000; Trịnh Thị Tuyết H, sinh ngày 03/9/2001 và Trịnh Văn T, sinh ngày 09/01/2008. Đối với 02 người con chung tên Tuyết B và Tuyết H đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Trịnh Văn T bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trịnh Văn N trình bày:* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trịnh Văn N. Tuy nhiên, ông N không đến Tòa án để làm việc và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông Trịnh Văn N trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Huỳnh Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Trịnh Văn N. Bị đơn cư trú tại tổ 4, ấp V, xã H, tỉnh A. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc

“Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân”.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T có yêu cầu Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trịnh Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày là bà và ông Trịnh Văn N tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy có cơ sở kết luận bà T và ông N đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên mối quan hệ hôn nhân của bà T và ông N không được pháp luật thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày cuộc sống vợ chồng ông bà mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống thường cự cãi nhau, ông N nhiều lần đánh đập và đe dọa bà T. Đồng thời Tòa án cũng tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ ông N nhưng ông N vẫn vắng mặt không đến Tòa án để hòa giải đoàn tụ với bà T. Điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân của bà T và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình thì Toà án sẽ tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N là vợ chồng là phù hợp.

[3.2] Về con chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N có 03 người con tên Trịnh Thị Tuyết B, sinh ngày 02/8/2000; Trịnh Thị Tuyết H, sinh ngày 03/9/2001 và Trịnh Văn T, sinh ngày 09/01/2008. Đối với 02 người con chung tên Tuyết Bă và Tuyết H đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung Trịnh Văn T bà T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi con của bà T thì Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện bà T là người đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T. Đồng thời, quá trình chung sống với bà T thì cháu T được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Hơn nữa, cháu T trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà T. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu T, giúp cháu T phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần. Hội đồng xét xử giao chàu Trịnh Văn T cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Huỳnh Thị T trình bày có đủ khả năng để nuôi dưỡng con chung nên không yêu cầu ông Trịnh Văn N phải cấp dưỡng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị T trình bày bà và ông N không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị T trình bày bà và ông N không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228, Điều 232, 271, 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T.

1/. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Huỳnh Thị T và ông Trịnh Văn N là vợ chồng.

2/. Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Văn T, sinh ngày 09/01/2008 cho bà Huỳnh Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Trịnh Văn N có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Trịnh Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Huỳnh Thị T không yêu cầu.

4/. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xét.

5/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0009912 ngày 10/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – An Giang). Theo đó bà T không phải nộp thêm.

6/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKS khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- UBND xã Hòn Đất;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thanh Sang